

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/ CTTNHH PN MC/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH PHƯƠNG NHI MỘC CHÂU.

Địa chỉ: Tổ dân phố Chiềng Đi, phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La.

Điện thoại: 0984.869.866.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500519603 Ngày cấp 19/5/2025. Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Sơn La.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 28/2025/ATTP-CNĐK Ngày Cấp/Nơi cấp: ngày 31/7/2025/ Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Sơn La.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Nước uống tinh khiết Kim Cương Mộc Châu.

2. Thành phần:

Nước uống tinh khiết Kim Cương Mộc Châu được khai thác từ nguồn nước thủy cục, xử lý qua dây truyền sản xuất hiện đại, tinh lọc qua hệ thống thẩm thấu ngược RO và được tiệt trùng bằng OZON, tia cực tím đảm bảo an toàn thực phẩm theo QCVN 6-1:2010/BYT.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Hạn sử dụng: 12 tháng, kể từ ngày sản xuất.

- Ngày sản xuất: Ghi vỏ bao bì

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Nước uống thành phẩm được đóng trong các chai, bình nhựa Pet theo các hình thức và thể tích như sau:

* Đóng bình: Nước thành phẩm được đóng trong bình nhựa Pet có thể tích thực: 7,5 lít và 18.9 lít. Hoặc các loại bao bì có thể tích khác theo yêu cầu của thị trường/ khách hàng.

* Đóng chai: Nước thành phẩm được đóng trong chai Pet có thể tích: 350ml; 500ml; 1500ml hoặc các loại chai PET có thể tích khác theo yêu cầu của thị trường/ khách hàng.

- Yêu cầu đối với thành phẩm phải đảm bảo kín không bị rò rỉ ảnh hưởng đến chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm của sản phẩm trong quá trình vận chuyển bảo quản.

- Đóng trong bao bì vận chuyển và bảo quản:

+ Đối với chai nhựa có thể tích 330ml; 500ml được đóng vào thùng cacton là 24 chai/thùng; Đối với chai nhựa có thể tích 1500ml là 12 chai/thùng.

+ Yêu cầu đối với các thùng cacton thành phẩm phải đảm bảo chắc chắn không bị xô dịch trong quá trình vận chuyển

+ Bình nhựa 7,5 lít và 18,9 lít được bọc lớp nilon để bảo vệ che chắn bình khỏi sự xâm nhập của côn trùng trong quá trình bảo quản.

- Bao bì sử dụng để chứa đựng trực tiếp, gián tiếp thành phẩm: sử dụng vật liệu sản xuất bao bì chứa đựng trực tiếp sản phẩm: là các chai làm từ nhựa Polyetyleneterephthalat (Pet) trong hoặc Bình làm từ nhựa pet màu xanh; Bao bì chứa đựng gián tiếp thành phẩm là thùng các tông làm từ giấy các tông.

- Chất liệu bao bì chứa đựng bao gói thành phẩm đảm bảo chất lượng VSATTP; không thôi nhiễm các hóa chất độc hại từ bao bì gây ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

III. Mẫu nhãn sản phẩm (có mẫu nhãn sản phẩm dự kiến kèm theo)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm nước uống tinh khiết đóng chai, đóng bình của CÔNG TY TNHH PHƯƠNG NHI MỘC CHÂU sản xuất, kinh doanh đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn Việt Nam: Theo QCVN 6-1: 2010/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02/6/2010 của Bộ Y tế về Quy chuẩn quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai;

- Các chỉ tiêu vi sinh vật công bố áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 6-1:2010/BYT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số Coliform trong nước	CFU/250ml	0
2	<i>E. coli</i> trong nước	CFU/250ml	0
3	<i>Streptococci faecalis</i>	CFU/250ml	0
4	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/250ml	0

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
5	Bào tử kỵ khí khử Sulfit	CFU/50ml	0

Các chỉ tiêu hóa lý công bố áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 6-1:2010/BYT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Stibi	mg/l	0,02 mg/l
2	Arsen	mg/l	0,01 mg/l
3	Bari	mg/l	0,7 mg/l
4	Bor	mg/l	0,5 mg/l
5	Bromat	mg/l	0,01 mg/l
6	Cadimi	mg/l	0,003mg/l
7	Clorua	mg/l	5 mg/l
8	Clorat	mg/l	0,7 mg/l
9	Clorit	mg/l	0,7 mg/l
10	Crom	mg/l	0,05 mg/l
11	Đồng	mg/l	2 mg/l
12	Cyanide	mg/l	0,07 mg/l
13	Fluorid	mg/l	1,5 mg/l
14	Chì	mg/l	0,01 mg/l
15	Mangan	mg/l	0,4 mg/l
16	Thủy ngân	mg/l	0,006 mg/l
17	Molybden	mg/l	0,07 mg/l
18	Nickel	mg/l	0,07 mg/l
19	Nitrat	mg/l	50 mg/l
20	Nitrit	mg/l	3 mg/l
21	Selen	mg/l	0,01 mg/l

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

P. Vân Sơn, ngày 05 tháng 8 năm 2025

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Trần Văn Tú

MẪU NHÃN DỰ KIẾN

(kèm theo bản tự công bố Số: 01/CTNHH PN MC/2025)

- Tên sản phẩm hàng hoá: Nước uống tinh khiết Kim Cương Mộc Châu.
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hoá: CÔNG TY TNHH PHƯƠNG NHI MỘC CHÂU; Địa chỉ: Tổ dân phố Chiềng Đi, phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La.
- Điện thoại: 0984.869.866.
- Định lượng: 18,9 lít, 7,5 lít, 1,5 lít, 500ml; 330ml
- Ngày sản xuất: In trên nắp vỏ bình/nhãn sản phẩm.
- Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Thành phần: Nước uống tinh khiết Kim Cương Mộc Châu được khai thác từ nguồn nước thủy cục, xử lý qua dây truyền sản xuất hiện đại, tinh lọc qua hệ thống thẩm thấu ngược RO và được tiệt trùng bằng OZON, tia cực tím đảm bảo an toàn thực phẩm theo QCVN 6-1:2010/BYT
- Thông tin, cảnh báo vệ sinh, an toàn: Chỉ nhận, sử dụng khi vẫn còn nguyên niêm phong.
- Hướng dẫn sử dụng, bảo quản: Sử dụng trực tiếp, để nơi cao, ráo, thoáng mát.

P. Vân Sơn, ngày 05 tháng 8 năm 2025





TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM02 LBH.08

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH PHƯƠNG NHI MỘC CHÂU
Address (Địa chỉ) : Tổ dân phố Chiềng Di, phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN141811001
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước uống tinh khiết Kim Cương Mộc Châu
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong chai kín còn nguyên vẹn, không niêm phong, mẫu bảo quản ở nhiệt độ 6.5 độ C
Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 11/06/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 11/06/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 07/07/2025
Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 22/07/2025

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật

ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH

On behalf of NATEK

Đại diện NATEK

HOÀNG VĂN HUYNH

NATEK JSC

- Ha Noi Office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- Can Tho Office: Street 12, KDC Company 8, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Ho Chi Minh Office: SAIGON MIA building, KDC Trung Son, Binh Chanh district, HCM city.

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM02 LBH.08

Code/ Mã mẫu: KN141811001/2				
Sample name/ Tên mẫu: Nước uống tinh khiết				
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp) Nước uống tinh khiết Kim Cương Mộc Châu				
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Hàm lượng Bor ^(*)	TCVN 6635:2000	mg/L	0.030	ND
Cyanide (CN ⁻)	SMEWW 4500-CN- C&E: 2023	mg/L	0.003	ND
Tổng Clo (Chlor) ⁽¹⁾	SMEWW 4500 CI G:2023	mg/L	0.030	ND
Fluoride (F ⁻) ⁽¹⁾	TCVN 6195:1996	mg/L	0.050	ND
Nitrit (NO ₂ ⁻) ⁽¹⁾	TCVN 6178: 1996	mg/L	0.010	ND
Nitrat (NO ₃ ⁻) ⁽¹⁾	TCVN 6180: 1996	mg/L	0.130	5.60
Định lượng Pseudomonas aeruginosa ⁽¹⁾	ISO 16266:2006	CFU/250ml	/	<1
Định lượng Streptococci faecal ⁽¹⁾	ISO 7899-2:2000	CFU/250ml	/	<1
Định lượng E.coli ⁽¹⁾	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	CFU/250ml	/	<1
Định lượng Coliforms ⁽¹⁾	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	CFU/250ml	/	<1
Định lượng bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (Clostridia) ⁽¹⁾	ISO 6461-2:1986	CFU/50ml	/	<1
Antimon (Sb)	NTL-HH574 (Ref SMEWW 3030E:2023;SMEWW 3114B:2023)	mg/L	0.001	ND
Bari (Ba) ^(*)	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,01	ND
Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E:2023 SMEWW 3114B:2023	mg/L	0.001	ND
Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E:2023 SMEWW 3113B:2023	mg/L	0.0002	ND
Chì (Pb) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E:2023 SMEWW 3113B:2023	mg/L	0.0015	ND
Đồng (Cu)	SMEWW 3030E:2023 SMEWW 3111B:2023	mg/L	0.020	ND
Thủy Ngân (Hg) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E:2023 SMEWW 3112B:2023	mg/L	0.0003	ND
Crom (Cr) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E:2023 SMEWW 3113B:2023	mg/L	0.0016	ND
Molybden (Mo) ^(*)	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0.007	ND
Niken (Ni)	SMEWW 3030E:2023 SMEWW 3111B:2023	mg/L	0.020	ND
Mangan (Mn) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E:2023 SMEWW 3111B:2023	mg/L	0.020	ND
Selen (Se) ^(*)	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0.001	ND
Clorit (chlorite) ^(*)	TCVN 6494-4: 2020 (ISO 10304-4:1997)	mg/L	0.06	ND

**TESTING REPORT/
BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM02 LBH.08

Code/ Mã mẫu:		KN141811001/2		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước uống tinh khiết		
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		Nước uống tinh khiết Kim Cương Mộc Châu		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Clorat ^(*)	NTL-HH649 Ref. QuPPE- Method	mg/L	0.010	ND
Bromate	NTL-HH649 Ref. QuPPE- Method	mg/L	0.010	ND





TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.08

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH PHƯƠNG NHI MỘC CHÂU
Address (Địa chỉ) : Tổ dân phố Chiềng Đì, phường Văn Sơn, tỉnh Sơn La

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN141811001
Information provided by applicant : Mẫu nước đầu vào
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong chai kín còn nguyên vẹn, không niêm phong, mẫu bảo quản ở nhiệt độ 6.5 độ C
Seal No (Số niêm) : Không niêm phong
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 11/06/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 11/06/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 07/07/2025
Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : 22/07/2025

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH

On behalf of NATEK
Đại diện NATEK



HOÀNG VĂN HUYNH

NATEK JSC

- Ha Noi Office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- Can Tho Office: Street 12, KDC Company 8, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Ho Chi Minh Office: SAIGON MIA building, KDC Trung Son, Binh Chanh district, HCM city.

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM04 LBH.08

Code/ Mã mẫu: KN141811001/1					
Sample name/ Tên mẫu: Mẫu nước đầu vào					
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp) Mẫu nước đầu vào					
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả	QCĐP 01:2023/SL
pH	SMEWW 4500-H+: 2023	/	/	6.72	6.0-8.5
Vị ⁽¹⁾	SMEWW 2160 B: 2023	/	/	Không vị	Không có vị lạ
Độ đục ⁽¹⁾	SMEWW 2130 B: 2023	NTU	/	0.010	2
Mùi ⁽¹⁾	SMEWW 2150 B: 2023	/	/	Không mùi	Không có mùi lạ
Màu Sắc ⁽¹⁾	SMEWW 2120 C: 2023	Pt-Co	3.00	ND	15
Định lượng E.Coli ⁽¹⁾	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	CFU/100ml	/	<1	<1
Định lượng Coliforms ⁽¹⁾	ISO 9308-1:2014/ Amd.1:2016	CFU/100ml	/	<1	<3
Asen (As) ⁽¹⁾	SMEWW 3030E:2023 SMEWW 3114B:2023	mg/L	0.001	ND	0.01
Conclusion/ Kết luận: Kết quả phân tích mẫu trên phù hợp yêu cầu quy định về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La theo QCĐP 01:2023/SL					